

SƠN NAM, ÔNG GIÀ "BA TRI" CỦA ĐỒNG BẰNG NAM BỘ



Topics - Tạp ghi

Written by Nguyễn Mạnh Trinh

Thursday, 27 July 2006



Tạp Ghi Văn nghệ - Nguyễn Mạnh Trinh

Không hiểu, có phải khi về già, người ta hay ngoái nhìn về ngày xưa, về dĩ vãng. Không phải là niềm hoài vọng về những ngày vang bóng một thời, của những hào quang không còn nữa. Cũng không hẳn là để sống lại những ngày mà như của cuộn chỉ thời gian đã gần chấm hết. Đôi khi, chỉ là một suy nghĩ để tưởng tượng lại một thời mình đã sống, mình đã là nhân chứng của những cuộc đổi đời...

Tôi nhớ lại, những ngày sau cuộc di cư của gia đình tôi từ Bắc vô Nam. Lúc ấy, tôi còn quá nhỏ để hiểu biết được cái giây phút chia xa với một thành phố mà sau này tôi đã tưởng tượng thật nhiều về nó : Hà Nội. Năm 1954, gia đình tôi ra Hải phòng theo đơn vị quân đội của ông anh cả tôi và theo chuyến tàu của Hoa kỳ xuôi nam cập bến Sài gòn. Sau đó, ở trại tạm cư Phú Thọ "lều" một thời gian rồi cha tôi mua nhà ở một xóm bình dân gần Chợ Lớn Mới. Sau nhiều lần sửa chữa, cũng như xây cất lại sau khi bị cháy lúc biến cố Tết Mậu Thân, gia đình tôi ở đó cho đến năm 1975 và bị phường khóm ở đây tịch thu vì cả gia đình đã di tản. Ở một vùng dân cư người miền Nam nên gia đình tôi đã có thật nhiều khác biệt về ngôn ngữ, về cách sống, về học hành khi so sánh với các gia đình chung quanh. Các anh em tôi, đã phải có một thời gian để hòa đồng được những khác biệt đó.

Lúc ấy tôi học lớp nhất trường tiểu học Cây Gõ. Ở đó có hai trường : một của những người Bắc di cư gọi là "trường di chuyển" ăn nhờ ở đậu vào trường học của những người địa phương. Những thầy giáo, tôi nhớ lúc ấy có thầy đi dạy còn mặc quốc phục, áo the đội khăn và là sự ngạc nhiên của đám học trò địa phương miền Nam. Chúng tôi, những đứa học trò "Bắc Kỳ" cũng là những đề tài của những câu hát chọc ghẹo "Bắc Kỳ ăn cá rô cây. Ông trời quả báo hàm răng đen thù...". Chúng tôi lạ quá, so với tụi nó. Nói những ngôn ngữ, khác biệt,.. Cái tô thì gọi là cái bát, đi cầu thì gọi là đi đồng, gọi ba má là thầy u, ăn cơm thì gọi là xôi cơm, nói năng thì lúc nào cũng thưa với bầm, nói toàn những tiếng lạ tai lạ nghĩa. Đến cái chơi cũng lạ, cũng khác, bắn bi thì thay bằng ngón tay giữa lại bắn bằng ngón tay cái ... Và cái chuyện lật vật ấy bao lần đã thành những cuộc đấm đá của bọn trẻ với nhau. Chúng tôi, ở trong một quá trình hội nhập kể ra cũng khá vất vả.

Học ở trường di cư, ăn nhờ ở đậu nên tất cả phương tiện vật chất hầu như chẳng có gì. Tôi được phần thưởng cuối năm chỉ vòn vẹn có một quyển sách được bọc trong giấy bóng đỏ. Cuốn sách mà tôi nhớ được thưởng là cuốn "Tâm Hồn Cao Thượng" tác giả cụ Hà Mai Anh. Trong khi phần thưởng của trường địa phương có cả tự điển, bút chì màu, sách hình,.. một chồng cao ngất. Thầy Rính của lớp nhất an ủi tôi "Thôi con ạ, chúng ta bỏ cả quê nhà vào đây thì cũng phải bằng lòng với những gì mình có." Thầy Rính bây giờ khuất núi chắc đã lâu nhưng tôi không bao giờ quên thầy với bộ quốc phục trắng, đã cẩn thận căn dặn tôi khi đưa tôi ra bến xe đi dự cuộc cắm trại của những học sinh giỏi ở bãi biển Vũng Tàu.

Thấm thoát, đã hơn một nửa thế kỷ qua. Chúng tôi đã thành người miền Nam, đất Bắc với lớp tuổi chúng tôi, đã thành dĩ vãng. Chúng tôi trở thành người Sài Gòn, lớn lên trong những biến động chính trị. Những khác biệt văn hóa, ngôn ngữ,.. đã vượt qua. Chúng tôi có cảm giác chung một tinh thần địa phương, dù có một số người vẫn la to rằng vẫn còn sự kỳ thị Nam Bắc. Chúng tôi cho rằng mình là người Sài gòn và thờ chung một nhíp thờ với thành phố ấy qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử.

Trong văn học, có nhiều nhà phê bình đã cho rằng có sự lấn lướt của những người cầm bút di cư vào và họ đã chiếm lĩnh văn đàn. Sự có mặt của tạp chí Sáng Tạo, với những Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Tô Thùy Yên,... của nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ, Tạ văn Nho ... của nhật báo Tự Do với Đinh Hùng, Phạm Việt Tuyền, Như Phong, Hiểu Chân... của tạp chí Hiện Đại với Nguyễn Sa, Thái Thủy, Hoàng Anh Tuấn... hầu như là những sinh hoạt văn học trọng yếu nhất của miền Nam lúc đó. Nhà văn Mai Thảo trong bài tựa của Tuyển Truyện Sáng Tạo viết về thời điểm ấy:

".. Bấy giờ là vào khoảng hai năm 1956, 1957. Những dấu chân một triệu của vượt tuyền kín trùm

đất nước, vừa đặt xuống những ruộng đồng và những rừng núi mênh mông bát ngát của miền Nam. Những hành trình trong đêm tập nập cập bến lúc ngày dưng. Buồn của lúc đi nhặt nhòa trước vui của lúc tới ngày ngất rục rờ. Cái hầm đá hun hút tối thẳm đã ra khỏi, triển vọng lớn lao nhất cho từng đời sống là tắt cả lại được khởi lại từ đầu. Lịch sử và chuyển đổi tàn nhẫn đột ngột của thời thế đẩy trọng tâm đời sống từ một vùng trời này tới một vùng biển khác. Nhưng cái hướng xô đẩy đích thực là tự sau lưng đẩy về trước mặt, từ quá khứ đẩy vào tương lai. Hình ảnh của những vì sao bỏ lại trong không gian không bến bờ, của những chuyến phi cơ cất bồng mình khỏi phi đạo, của những thuyền mảng vượt biển lên đèn, của những ánh lửa đầu đêm hạ trại, những cột nhà mới dựng, những đất rừng khai hoang, những đất đồi phá rẫy, cùng là những dấu chân lộp lộp rượt đổi nhịp đời quay gập, không phải là những ảnh hình trừu tượng của một mơ tưởng làm mới, mà là những ảnh hình sinh động bay múa bắt gặp từng giờ từng phút trong sinh hoạt từng người..”

Đời sống mới mở ra. Thúc đẩy đổi mới. Văn chương phải khác đi những cái cũ. Thoát đi và vượt lên. Mai Thảo viết trong cái tâm thức hăng hái, vỡ bờ:

“.. Không khí cũ, không thở cùng được nữa. Những khuôn vàng thước ngọc xưa không còn ảo tưởng được những kích thước bây giờ. Và đời sống là đi tới. Không lùi, không giậm chân một chỗ.

Trong một thực trạng đầy đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không chỉ còn là tà chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực. Mà vươn phóng từ một thoát ly để đưa tới một hình thành, hóa thân từ một chặt đứt, bằng những thí nghiệm và những khám phá, chứng minh rằng cái bây giờ ta đang sống tuyệt đối không còn một đồng tình với cái hôm qua đã tách thoát đã lia xa. Chặt nổ ném vào. Cờ phất. Xuống đường, xuống núi. Ra biển ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng cho văn chương đã bắt đầu. Và thơ bây giờ là thơ tự do.”

Có vẻ những câu văn ấy có một chút gì hơi quá, nếu bây giờ đọc lại. Nhưng nếu đặt vào tình cảnh lúc ấy, thì những cái say sưa, quá khích ấy cũng dễ thông cảm. Thời thế ấy, dễ dàng cho những cuộc khởi mở lên đường. Tuổi chúng tôi lúc đó, học văn chương với ảnh hưởng của thời tiền chiến từ nhóm Tự lực Văn Đoàn đến phong trào Thơ Mới. Quả thực, sau 1954, diện mạo văn học miền Nam đã khác trước.

Trước khi có làn sóng di cư, tình trạng báo chí và văn học ở miền Nam trong mức độ bình thường. Những nhà văn nhà thơ gốc miền Nam, như Đông Hồ, như Bình Nguyên Lộc, như Sơn Nam,... đã có một chỗ đứng và dù trong sự kiện các nhà văn di cư chiếm lĩnh văn đàn nhưng họ cũng có ảnh hưởng đáng kể.

Riêng tôi, tôi thích cái khí hậu truyện của Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, rắc ròn Nam Bộ. Những nhân dáng có nét riêng, chất phác từ suy tư đến ngôn ngữ. Những cuộc sống, mở ra những phương trời, nhắc lại những thời kỳ của những người di dân vào miền trong lập nghiệp. Và, dù tà cảnh thành thị hay thôn quê, cũng lộn tã được một tính chất riêng, để làm người đọc liên tưởng và chia sẻ.

Đọc “Những bước chân lang thang của gã Bình Nguyên Lộc”, để thấy những điều thật tầm thường trong đời sống lại có sự hấp dẫn vì nét sinh động. Ai trong chúng ta, sinh sống ở Sài Gòn, mà không có lúc ngồi ở quán cóc cà phê trong xóm hay những tiệm nước “các chú”. Thế mà, trong những bài viết của Bình Nguyên Lộc, lại khám phá ra biết bao nhiêu chi tiết thú vị. Cái âm thanh của buổi sáng tinh sương, cũng như tiếng kêu ê a của anh chệt phố ky, cũng như những cử chỉ, những thói quen của người ngồi quán đến người chủ quán, mỗi mỗi đều gợi đến một thế giới của những người bình dân chất phác mà phong vị của nó ẩn sâu trong từng câu văn, từng ý tưởng. Nếu nhà xuất bản Thịnh Ký gọi là những “thám hiểm đô thành” thì cũng không có gì là quá đáng...

Đọc “Rừng Mắm”, một truyện ngắn viết về cái thời của những người xuôi Nam lặn biển cả lập làng ấp để thấy được sức sống tiềm tàng của dân tộc cũng như sự kiên nhẫn và hy sinh của những người đi trước khai sơn phá thạch. Bình Nguyên Lộc đã mang sự ví von từ những cây mắm tuy vô dụng trong sinh hoạt sống nhưng đã lấy sự hy sinh của mình để làm nên những mảnh đất đầy phù sa màu mỡ về sau. Truyện mở ra những chân trời mênh mông, của những nỗi buồn của người xa xứ, của những câu hò luôn luôn là tâm tư của một thời đã qua nhưng còn để lại nhiều rung cảm...

Tôi cũng thích thú khi đọc Sơn Nam, như đọc Bình Nguyên Lộc.

Bây giờ, một trong hai người, Bình Nguyên Lộc đã mất. Ông từ trần ngày 7 tháng 3 năm 1987 tại Sacramento, Hoa Kỳ. Ông mới định cư ít lâu và đang có nhiều dự tính văn chương ở hải ngoại thì

mất. Thời gian còn ở Việt Nam, ông được chế độ mới chèo kéo để tham dự vào những sinh hoạt văn học nhưng ông từ chối và coi những trang bản thảo đã viết là nghĩa trang của đời văn chương ông. Nhà văn Mai Thảo trong "Chân Dung Mười Lăm Nhà Văn nhà Thơ Việt Nam" đã phác họa tư cách cũng như tâm tư của ông một cách thật chân tình và xúc động.

Còn nhà văn Sơn Nam, đang sống ở trong nước với tuổi 81. Từ trước tới nay, ông vẫn là người cầm bút thiên tà và những hào quang Việt minh của thời kháng chiến chống Pháp vẫn chưa tắt đối với ông. Viết về thời kỳ hai mươi năm văn học miền Nam, ông vẫn cho là vùng tạm chiếm và tỏ ra rất ác cảm với chính quyền quốc gia. Trong lối viết, ngầm chứa sự chống đối.

Sau 1975, ông được trọng dụng, có nhiều sách xuất bản và được coi như là một nhân vật văn học hàng đầu của Sài Gòn. Nhưng nghe đâu, cũng không giàu có gì lắm. mặc dù có tiền bản quyền sách, có trợ cấp của Hội Nhà Văn, làm cố vấn về phong tục Nam Bộ cho các hãng phim ảnh ngoại quốc như phim "The Lover", làm cố vấn cho những chương trình văn hóa nhân dịp kỷ niệm 300 năm Sài Gòn..

Năm nay, ông bị tai nạn xe cộ, vẫn nằm chờ trong nhà thương để được giải phẫu, nhưng vì chưa có tiền nên chưa mổ được. Đoàn Thạch Hãn trong báo Thanh Niên ở trong nước đã phải kêu lên:

".. Thế mà đã 7 tháng và cho đến hôm nay, đang nằm trên giường bệnh chờ ca mổ nhưng vẫn chưa thấy có một cơ quan chức năng nào đến với ông sành cho ông một lời an ủi động viên, nói chi đến việc chia sẻ khó khăn với một tên tuổi lớn đã cống hiến cho nền văn hóa nước nhà những công trình không nhỏ ... Chúng tôi nghĩ, với tuổi tác và tình trạng sức khỏe hiện nay, theo quy luật kiếp người, một ngày nào đó không xa nhà văn Sơn Nam cũng phải ra đi. Và sẽ là một cuộc tiễn đưa rình rang với đầy hoa tươi và những lời ai điếu tiếc thương. Điều đó cũng sẽ vô cùng ý nghĩa và xứng đáng với một chân dung lớn trong văn học nước nhà như ông. Nhưng giá như những tháng ngày gần gũi còn lại trên thế gian này, ông đã được đãi ngộ xứng đáng như những gì đã được tôn vinh để không như hoàn cảnh hiện tại cần 15 triệu đồng chữa bệnh mà chỉ còn biết nhờ báo chí kêu gọi các mạnh thường quân tiếp sức trong khi có những quan chức Nhà nước dám bỏ ra hàng chục tỷ đồng trong cuộc đổ đen. Đó không chỉ là nỗi buồn cho Sơn Nam mà còn là niềm tủi cho tất cả chúng ta!!!!"

Không phải chỉ một nỗi buồn cho Sơn Nam mà trước đây đã có bao nhiêu người đã thất vọng và buồn như thế. Như học giả Nguyễn Hiến Lê, trước thì rất thích kháng chiến và ác cảm với chế độ VNCH đến nỗi từ chối giải thưởng văn học hàng năm của Tổng thống. Nhưng, về sau khi đã sống với chế độ Cộng Sản thì lại phê phán rất nặng lời. Có nguyên một chương trong cuốn Hồi ký Nguyễn Hiến Lê thẳng thắn phê bình chế độ khi in ở trong nước thì bị cắt đi. Trong khi nguyên bản được nhà xuất bản Văn nghệ in ở hải ngoại thì có đầy đủ...

Với tôi, tôi nhìn Sơn Nam dưới con mắt của một độc giả. Khi còn trẻ, hay lúc đã già, đọc ông vẫn thấy có cảm giác được nói chuyện với một ông già "Ba Tri" có lúc chất phác nhưng nhiều khi sắc sảo. Vì thời cuộc, ông phải lên sống ở đô thành nhưng trong tâm, ông vẫn hướng về những nơi thôn dã hay những sơn cùng thủy tận cuối trời đất nước. Như sau này khi trả lời một câu phỏng vấn : "Tôi quan niệm : viết văn để viết văn, để yêu nước chứ không nhằm một mục đích nào khác. Văn nghệ khác với văn hóa thông tin. Muốn viết văn tốt, cần phải khảo cứu. Miền Nam chưa có lịch sử cho nên tôi phải khảo cứu về con người và vùng đất Nam Bộ thì mới có thể viết về con người và vùng đất đó.. Tôi sống và làm việc có định hướng. Tôi tập trung tất cả sức lực và thời gian cho công việc mình theo đuổi, đến mức không làm tròn trách nhiệm của người cha với con cái. Cả đời tôi đọc sách, các loại sách về phong tục tập quán và văn học tiếng Pháp. Tôi tiếp cận và thâm nhập thực tế cuộc sống của người dân Nam Bộ.."

Hình như, Sơn Nam đã viết toàn bộ tác phẩm của mình trong chiều hướng ấy. Những tác phẩm chính, đều là những dụng công để phác thảo lại một cuộc sống tuy thời gian chưa lâu lắm nhưng hầu như bị lãng quên.

Đọc "Hương rừng Cà Mau" thấy được cái phong vị độc đáo của một thời tuy đã xa nhưng nhắc lại nghe gần trong tâm thức. Sống ở thành đô nhưng luôn luôn nghĩ về những không gian thời gian ấy, thời của những câu thơ mở đầu đọc nghe đứt ruột :

"muối vắt nhiều hơn cò
chưng khí mù như sương
thân không là lính thú
sao chưa về cố hương

chiều chiều nghe vượn hú
họa lá rụng buồn buồn
tiền đưa về cửa biển
những giọt nước lìa nguồn
đôi tâm hồn cô tịch
nghe lắng sâu cô thôn..”

Dòng hoài niệm trôi về nơi những địa danh mà nghe như tưởng của thế giới xa xăm nào. Những Hòn Cổ Tron, những sông Gành Hào, những rừng U minh... tuy có trong thực tế nhưng lại hiện ra trong một huyền thoại nào tưởng chỉ có trong cổ tích. Chuyện hát bội giữa rừng U Minh : “Câu chuyện hát bội hồi xưa tới đây cũng khá dài rồi. Nhưng chưa hết, vì còn mấy ông cộp nọ. Có lẽ mấy ông mê hát bội hơn loài người. Chẳng một hai tháng sau, cái sân khấu nọ tốc nóc, bao nhiêu nọc tràm làm hàng rào đã lung lay ngã nghiêng trên dòng nước, chừng đó người ta thấy một đôi ông cộp thường tới lui ngồi cú rử dựa gốc cây giữa bên bờ rạch. Nhất là đêm có trăng, mấy ông le lưỡi dài thòn, như nhớ tiếc bao nhiêu con mồi ngon, bao nhiêu tiếng kèn tiếng trống. Biết đâu về sau này mấy tiếng “coi hát cộp” là do sự tích của mấy ông hồi xưa không chừng!”, chuyện bắt sấu U Minh : “Tới ao sấu, ông năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung rượu. Kế đó ông với tôi lấy xuống đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ bờ ao lên rừng chừng mười thước. xong xuôi ông biểu tôi bứt cho ông một nắm dây cóc kèn. Phần ông thì lo đốn một đồng cây mốp tươi, chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời ông năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp lại dính chặt hai hàm răng như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. sấu bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông năm xách cây mác nhắm sau lưng sấu mà sẵn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình..”

Những nhân vật của “Hương rừng Cà Mau” cũng nhiều nét khác thường độc đáo. Họ là những dị nhân sống trong một thời buổi giao thời, đơn giản bình dị nhưng nhiều khi cũng có trí phán đoán sâu sắc. Nghe ông già Năm xay lúa luận chuyện thời tiết đất trời trong chuyện “Ông già xay lúa” hay nghe ông mù Vân Tiên bàn về chuyện cá ăn câu trong “Người mù giăng câu”, chúng ta mới thấy được cái học trong đời sống không phải chỉ ở học đường mà còn là kinh nghiệm từ hàng ngày thu lượm được. Và, trong từng ngôn ngữ, từng cử chỉ, vẫn bàng bạc một lòng yêu nước, yêu tự nhiên như những Trương công Định, những anh hùng chống Pháp bình dân nhưng vì nghĩa lớn mà mang tầm vong, giáo mác chống lại súng đạn tối tân.

Tác giả Sơn Nam đã tâm sự :

“Tôi sinh ra ở vùng đất U Minh, nơi đó là những cánh rừng tràm bạt ngàn kéo dài từ Rạch Giá qua Sóc Trăng, Bạc Liêu và đến tận Cà Mau. Tôi bắt đầu sự nghiệp viết lách bằng những truyện ngắn vào năm 1955 trên văn đàn Sài Gòn để từ đó có Mùa Len Trâu, Hương Rừng Cà Mau.. được viết ra từ ký ức quê nhà mãi mãi không bao giờ phai nhạt. Trời sinh ra cây tràm thật là kỳ diệu, nó bám chặt rễ trong sinh, chìm ngập trong nước mà vẫn mạnh khỏe vẫn sinh sôi nảy nở để giữ vững mảnh đất bồi cho quê hương và giữ người cho đất. Chẳng nơi nào có được những ngày rừng tràm nở rộ hoa trắng mênh mông trùng trùng điệp điệp quyến rũ cơ man hàng vạn bầy ong làm tổ trên cành hút nhụy hương rừng làm mật ban tặng cho loài người như ở đất U Minh...”

Sinh hoạt một thuở của những người di dân Nam Bộ được sống lại trong “Hương Rừng Cà Mau”. Những câu hò trong “Con Bầy đưa đò” mang tâm tình của người đi khai hoang. Mùa nước nổi những đàn trâu bò phải di chuyển lên vùng cao, một nét đặc thù của người dân miền đồng bằng trong “Mùa Len Trâu”. Cũng như với “Một Cuộc Biển Dâu”, người chết trong mùa lụt phải thủy táng chứ không thể chôn được dưới ba thước đất. Rồi “Đóng gông ông thầy Quýt”, rồi “Cây huê xà”, người ác với những mưu mô lẫn lộn ở cạnh người hiền và rốt cuộc cũng là lẽ trả vay của trời đất tuần hoàn.

Những nhân vật như ông Từ Thông, như lục cụ Tăng Liên, như bác Vật Xà Bông, như cậu xã Nê, như ông Tư Đức, như Ông Vân Tiên sư tổ giăng câu,.. có nhiều nét sống thực nhưng cũng có nhiều nét của những chuyện kể của những người tò mò muốn tìm những nét đặc biệt của một thời đã được ghi dấu trên lịch sử... Nhân vật của Sơn Nam có nét dân gian, gần cận với sinh hoạt bình dân nên người đọc dễ hòa mình vào tâm cảm của họ.

Viết những truyện dài như "Chim Quyên Xuống Đất" hay "Hình Bóng Cũ" Sơn Nam mang cái tư tưởng chống lại những thế lực thực dân và những kẻ Việt gian hòa theo để hà hiếp lương dân. Trong thời kỳ cận đại nước ta bị một cổ hai tròng. Một bên, thực dân Pháp. Một bên đế quốc Nhật.

Trong Chim Quyên Xuống Đất, có những tên Việt gian như giáo Ngọc, như Liên Hương đã gây ra bao nhiêu đau đớn cho dân lành. Tầng lớp nông dân đã tỏ ra quật cường, với những giáo Kiến, giáo Sĩ, Bày Thích,... đã tỏ ra không sợ cường quyền đàn áp và bày tỏ lòng ái quốc của mình. Nhân vật Giáo Kiến, yêu nước hơn yêu thân mình khi bị tình nghi làm "quốc sự" đã trốn tránh và tự thiêu chết tại hòn Thổ Châu để giữ tiết tháo của một người Việt Nam có chữ nghĩa để khỏi bị sa vào tay của tên cò cảnh sát "Mạc-te". Nhân vật của "Chim Quyên Xuống Đất" sống trong khoảng những năm cuối của thế chiến thứ hai nên đời sống ấy không còn nét hoang sơ của thời khai hoang nữa nhưng thiên nhiên vẫn được mô tả bằng những hình ảnh đẹp và chan chứa thương yêu. Có những đoạn tả cảnh tả tình nghệ thuật cao cũng như bố cục của truyện khá nhiều góc mắc để tác giả áp dụng kỹ thuật git thắt rồi mở của tiểu thuyết một cách sinh động...

Trong Hình Bóng Cũ, cũng có những nhân vật như Henri Nhan và vợ là tiêu biểu cho những loài người đốn mạt chạy theo cường quyền và không từ một hành vi xấu xa nào để thủ lợi cho riêng mình và gia đình. Nhưng cũng có những nhân vật phản diện lại như lão Tư Hiếm ở vùng Mốp Giăng, như cô Thừa đã dám can đảm phản ứng lại với bọn quan áp bức. Trước mặt đồng người và có cả quan Kinh Lý, cô đã trần truồng cời cả xống áo lấy thân thể che ống kính của máy đo đạc điền để lý sự và tranh đấu cho lẽ phải của dân nghèo:

"- làm cái gì vậy? Trần truồng như nhộng giữa đám đông cô chẳng biết mắc cỡ à?"

Cô gái đáp:

- Mắc cỡ gì? Hể cái miệng đói thì cái "mông" cùng chết! Xưa nay chưa có người nào chết đói mà cái "mông" còn sống được. Tôi làm vậy đó. Không mắc cỡ gì hết.."

"Hình bóng Cũ" kể lại một chuyện cũ trong đời sống hiện tại. Nó viết về một âm mưu chiếm đất khai hoang của cặp vợ chồng Henri Nhan trên thì nịnh giặc Pháp, dưới thì giết hại thủ tiêu những người dân hiền lành dám chống đối như lão Tư Hiếm và cô Thừa...

Sơn Nam đã viết xong một bộ hồi ký gồm 3 tập và chừng mấy chục tác phẩm gồm tiểu thuyết, khảo cứu, tạp bút.. Kể ra, tài sản ấy cũng khá đồ sộ. Nhưng ông già Nam Bộ ấy khi được hỏi có hài lòng với những gì mình đã viết không đã trả lời "Tôi nghĩ, đời một người viết chỉ cần để lại một tác phẩm hay, có ý nghĩa là đủ. Cụ Nguyễn Đình Chiểu chỉ cần một Văn tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc là đủ.."

Riêng tôi, dù có khi không đồng ý lắm với chính kiến của Sơn Nam nhưng tôi vẫn yêu những trang sách và những nhân vật của miền Nam Bộ, nóng tính, chất phác nhưng cũng rất hào hớn của thời khẩn hoang xa xưa...

Nguyễn Mạnh Trinh